

Bản án: 13/2023/HS-ST
Ngày 14 tháng 02 N 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hà.

Thẩm phán: Ông Đặng Văn B.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Kha;
2. Ông Ngô Văn Bê.
3. Ông Vũ Văn Hưng.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Trịnh Hoài Đức- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh B G.

- Đ diện VKSND tỉnh B G tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh C- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 13 và 14 tháng 02 N 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh B G xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2022/HSST ngày 24 tháng 11 N 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh N 1994; Nơi cư trú: thôn Kem, xã Minh Đức, Hện Việt Yên, tỉnh B G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Nguyễn Văn Cử, sinh N 1972; Mẹ: Nguyễn Thị Khuê, sinh N 1973; Vợ: Nguyễn Kiều Trang, sinh N 1998; Con: có 2 con, lớn sinh N 2016, nhỏ sinh N 2018; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 1; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 43/2014/HSST ngày 10/6/2014 của Tòa án nhân dân Hện Việt Yên xử phạt Nguyễn Văn Đ 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức D**, sinh N 2000; Nơi thường trú: không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; Nơi cư trú: tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh, Hện Việt Yên, tỉnh B G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Bố: Chu Đức Ứng, sinh N 1969; Mẹ: Nguyễn Thị Loan, sinh N 1974; Vợ, con: chưa có; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 1; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G. (Có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Hữu H**, sinh N 1991; Nơi cư trú: thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức, Hện Việt Yên, tỉnh B G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Nguyễn Hữu Kết, sinh N 1965; Mẹ: Nguyễn Thị Thế, sinh N 1965; Vợ: Đặng Thị Liên, sinh N 1991; Con: có 4 con, lớn sinh N 2011, nhỏ sinh N 2020; Gia đình có 5 anh em, bị cáo là thứ 3; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/3/2020, Nguyễn Hữu H bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Cố Y gây thương tích”. Ngày 27/3/2020 Nguyễn Hữu H đã nộp tiền chấp hành quyết định xử phạt hành chính.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G. (Có mặt).

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh N 1993; Nơi cư trú: thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G; Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Bố: Nguyễn Văn B, sinh N 1968; Mẹ: Nguyễn Thị N, sinh N 1969; Vợ, con: chưa có; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2;

Tiền án: Bản án số 11/2016/HSST ngày 16/3/2016 của Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa xử phạt Nguyễn Văn S 7 N 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 29/4/2021 Nguyễn Văn S chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến thời điểm phạm tội mới bị cáo chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G. (Có mặt).

5. Họ và tên: **Đào Văn T**, sinh N 1991; Nơi cư trú: thôn 2, xã Hoàng Động, Hện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Bố: Đào Văn T, sinh N 1970; Mẹ: Vũ Thị Oanh, sinh N 1972; Vợ: Dương Thị Ánh Nguyệt, sinh N 1997; Con: có 2 con, lớn sinh N 2014, nhỏ sinh N 2019; Anh chị em: không có.

Tiền án: Bản án số 08/2019/HS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt Đào Văn T 3 N tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố Y gây thương tích”, thời gian thử thách 5 N. Tính đến thời điểm phạm tội mới bị cáo chưa hết thời gian thử thách, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G. (Có mặt).

6. Họ và tên: **Đinh Văn L**, sinh N 1995; Nơi cư trú: thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, Hện Việt Yên, tỉnh B G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Bố: Đinh Văn Toàn, sinh N 1968; Mẹ: Trần Thị B, sinh N 1968; Vợ: Tạ Thị Minh Hồng, sinh N

1998 (đã ly hôn); Con: chưa có; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 2; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G. (Có mặt).

7. Họ và tên: **Nguyễn Văn N**, sinh N 1994; Nơi cư trú: tổ dân phố Vàng, thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên, tỉnh B G; Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 32/QĐ-UBKTHU ngày 07/12/2021 của Ủy ban kiểm tra Hện ủy Việt Yên; Bô: Nguyễn Văn Thống, sinh N 1969; Mẹ: Nguyễn Thị S, sinh N 1972; Vợ: Nguyễn Thị Thanh, sinh N 1994; Con: có 2 con, lớn sinh N 2016, nhỏ sinh N 2019; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ 1; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2021. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B G. (Có mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ:

1. Ông Dương Minh Kiên và bà Nguyễn Thị Lan- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Dương Minh Nhâm- Đoàn luật sư tỉnh B G. (Ông Kiên có mặt khi xét xử vắng mặt khi tuyên án; bà Lan vắng mặt).

2. Trợ giúp viên pháp lý: Ông Thân Văn Dũng và ông Hoàng Trọng Nghĩa- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B G. (Ông Dũng có mặt, ông Nghĩa vắng mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức D: Bà N Thị Vui- Luật sư thuộc Công ty TNHH Fanci- Đoàn luật sư tỉnh B G. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H: Bà Ong Thị Thanh và bà Ngô Thị Thu- Văn phòng luật sư Vũ Anh Hùng- Đoàn luật sư tỉnh B G (Bà Thu có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án, bà Thanh vắng mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S:

1. Ông Trần Văn H- Văn phòng luật sư Minh H- Đoàn luật sư tỉnh B G (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

2. Trợ giúp viên pháp lý: Ông Trần Thanh Bình và bà Giáp Thị Huế- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B G. (Bà Huế có mặt, ông Bình vắng mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Đào Văn T: Ông Nguyễn Văn L- Luật sư thuộc văn phòng luật sư B An- Đoàn luật sư tỉnh B G. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

+ Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn L: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Giáp Thị Nhung- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Kim Vĩnh An- Đoàn luật sư tỉnh B G. (Bà Lan có mặt, bà Nhung vắng mặt).

+ Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Ông Nguyễn Đức Tình- Luật sư thuộc văn phòng luật sư Phạm Xuân Anh- Đoàn luật sư tỉnh B G. (Có mặt).

+ Bị hại:

1. Anh Tống N L, sinh N 1985.

Địa chỉ: Thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G. (có mặt tại phiên tòa ngày 10/02 vắng mặt ngày 13,14/02).

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Tống N L: Ông Nguyễn Tiến Quyền- Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Quỳnh Như- Đoàn luật sư tỉnh B Ninh. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số 62 Nguyễn Gia Thiều, thành phố B Ninh và số 50, Phó Đức Chính, thành phố B Ninh.

2. Anh Trần Văn P, sinh N 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên, tỉnh B G. (Vắng mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Văn T, sinh N 1980. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

2. Anh Đỗ Văn T, sinh N 1991. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S Quan, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

3. Anh Nguyễn Văn Y, sinh N 1995. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

4. Anh Đinh Văn Y, sinh N 1993 (Có mặt tại phiên tòa ngày 10/02 vắng mặt ngày 13,14/02).

Địa chỉ: Thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

5. Ông Đào Văn T, sinh N 1970. (Có mặt).

Trú quán: Thôn 2, xã Hoàng Lậu, Hện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

6. Bà Nguyễn Thị N, sinh N 1969. (Có mặt).

Trú quán: Thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

7. Ông Đỗ Văn Q, sinh N 1972. (Có mặt).

Trú quán: Thôn Tam Tầng, xã Q Châu, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

+ Người làm chứng:

1. Anh Trần Văn P, sinh N 1984. (Vắng mặt).

2. Anh Hà Văn Đ, sinh N 1975. (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Đình G, sinh N 1981. (Vắng mặt).

4. Chị Đỗ Thị N, sinh N 1985. (Vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Văn L, sinh N 1990. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

6. Anh Nguyễn Cao C, sinh N 1980. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

7. Anh Nguyễn Văn B, sinh N 1997. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Vàng, thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức D, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Văn S,

Đào Văn T, Đinh Văn L, Nguyễn Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/10/2021, anh Trần Văn P, sinh N 1984, trú tại thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova BKS 29A-943.18 chở anh Hà Văn Đ, sinh N 1975, trú tại thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G và anh Tống N L, sinh N 1985, trú tại thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G từ xã Trung S đi thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên. Anh P điều khiển xe đến Tổ dân phố Nông Lâm, thị trấn Bích Động thì gặp xe mô tô do Nguyễn Văn Đ, sinh N 1994, trú tại thôn Kẹm, xã Minh Đức, Hện Việt Yên, tỉnh B G điều khiển chở Nguyễn Văn Dương, sinh N 1990, trú tại tổ dân phố Dục Q, thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên, tỉnh B G từ trong ngõ đi ra tạt đầu xe của anh P.

Anh P điều khiển xe ô tô đi sau xe mô tô của Đ, khi thấy Đ vào quán điện thoại của anh Nguyễn Cao C, sinh N 1980, ở Tổ dân phố Nông Lâm để mua thẻ điện thoại thì anh L B anh P dừng xe trước cửa quán điện thoại của anh C. Anh L xuống xe đi vào quán tạt, đánh Đ và Dương, được anh P can ngăn thì L không đánh nữa. Anh P, L, Đ lên xe ô tô đi về hướng xã Việt Tiến, Hện Việt Yên, tỉnh B G.

Sau khi bị anh L đánh, Đ gọi điện cho Nguyễn Hữu H, sinh N 1991, trú tại thôn Mỏ Thổ, xã Minh Đức, Hện Việt Yên, tỉnh B G nói Đ bị đánh. H lúc này đang ở cùng Nguyễn Đức D, sinh N 2000, trú tại tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh, Hện Việt Yên, tỉnh B G nên H, D gọi xe taxi để đi đến chỗ Đ bị đánh.

Đ sau khi gọi cho H thì tiếp tục gọi điện cho Đào Văn T, sinh N 1991, trú tại thôn 2, xã Hoàng Động, Hện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đang làm thuê tại thôn Nguộn, xã Tự Lạn, Hện Việt Yên nói bị đánh, hỏi mượn đồ tức gậy, dao, kiếm nhưng T B không có. T lúc này thấy Đ hỏi vậy nên biết Đ có mâu thuẫn đánh nhau, nên khi Đ hẹn đón T để đi tìm nhóm anh L đánh nhau thì T đồng ý.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, H và D đi xe taxi (không rõ đặc điểm, biển số) đến quán anh điện thoại anh C đón Đ, tiếp tục đi đến đón T. D mang theo 01 con dao loại dao rựa dài 48,8 cm, có chuôi bằng gỗ màu đen dài 13 cm. T mang theo 01 đèn Pin. Anh Dương đi xe máy của Đ về nhà trọ anh Dương, không đi cùng Đ. Xe taxi chở H, Đ, T đi theo quốc lộ 37 để tìm nhóm anh L. Khi đến lối rẽ từ Quốc lộ 37 đi UBND xã Trung S thì phát hiện xe Inova của nhóm anh L đi ngược chiều nên Đ chỉ đường cho xe taxi quay lại đuổi theo. Đuổi đến gần cổng trường Đ học Nông Lâm thì xe của nhóm Đ vượt lên, Đ vẫy xe của nhóm anh L dừng lại nhưng nhóm anh L (do anh P lái xe) không dừng lại mà tiếp tục đi về hướng thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên về xã Trung S, Hện Việt Yên.

Khi đến khu vực cánh đồng thôn Ải Q, xã Trung S, Hện Việt Yên thì nhóm của anh L dừng xe, nhóm của Đ cũng dừng xe cách xe của nhóm anh L khoảng 200m. T lúc này tiếp tục gọi điện cho Nguyễn Văn N, sinh N 1994, trú tại tổ dân phố Vàng, thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên và Nguyễn Văn Y, sinh N 1995, trú

tại thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên để nói việc Đ bị đánh; T rủ N, Y cùng tham gia đánh nhóm của anh L.

Khi nghe điện thoại của T thì N đang ngồi ở quán bia “Văn tích” ở thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên cùng với Đỗ Văn T, sinh N 1991 và Nguyễn Văn S, sinh N 1993, cùng trú tại thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên. Sau khi nghe điện thoại của T, thì N lái xe ô tô nhãn hiệu Hndai I10 BKS 98A-313.90 của N, rủ T và S đi cùng đến chỗ T hẹn. N nói với S đi có việc, S hiểu là đi đánh nhau.

Đối với Nguyễn Văn Y, sau khi nghe điện thoại của T thì Y B với Đinh Văn L, sinh N 1995, trú tại thôn Xuân Hòa, xã Hương Mai, Hện Việt Yên lấy đồ (tức gậy) mục đích để đi đánh nhau. L đi vào trong quán nhà anh Hiệp ở tổ dân phố Vàng, thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên lấy 01 gậy bóng chày bằng gỗ và 01 gậy kim loại dài khoảng 70 cm cầm theo. Y điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter không rõ biển kiểm soát chở L cầm gậy đến chỗ T hẹn.

Về phía nhóm N: Khi đi N, T, S mang theo 2 con dao để sẵn ở cốp xe ô tô: 01 con dao loại dao mèo dài 12 cm, được bọc trong 01 vỏ bọc bằng gỗ màu nâu dài 25 cm, phần lưỡi dao rộng nhất là 4,5 cm và 01 con dao có chiều dài 45 cm, chuôi dao bằng gỗ màu nâu dài 15,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại mài sắc dài 29,5 cm, bản rộng nhất 6,5 cm, bản hẹp nhất 3,7 cm, phần lưỡi dao được bọc bằng gỗ dài 31 cm, rộng nhất 9 cm màu nâu. Xe của N đi đến cánh đồng Ải Q thì gặp xe của nhóm anh L dừng lại ở đây nhưng không xảy ra xô sát gì. N tiếp tục điều khiển xe ô tô đi đến chỗ xe taxi T, Đ, H, D đang chờ ở gần đó. Khi nhóm N gặp nhóm T, thì tất cả cùng rủ nhau đi đến vị trí xe ô tô Inova của anh L đang đỗ gần đó để đi đánh nhau với nhóm anh L. Nhóm của Đ đứng xung quanh xe ô tô Innova của nhóm anh L yêu cầu nhóm anh L mở cửa xuống xe nhưng nhóm anh L không mở cửa.

Lúc này, Đ dùng 01 con dao đập vỡ my chắn cửa kính phía sau xe Toyota Inova anh L. Thấy vậy, anh P điều khiển xe ô tô bỏ chạy về hướng thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên thì nhóm của Đ, N lên 2 xe ô tô đuổi theo. T lấy đèn Pin mang theo từ trước đó ném qua cửa kính phía sau xe Inova bị Đ đập vỡ trước đó. H lái xe taxi thay cho người lái xe taxi để đuổi theo xe Inova nhóm anh L.

Khi đuổi đến đường thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên thì T xuống xe chạy bộ đuổi theo xe Inova của L, cùng lúc này Y điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter chở L gặp T. L đưa cho T 01 chiếc gậy bóng chày bằng gỗ màu đỏ đen, trên thân có chữ KBL màu đỏ, chiều dài 80 cm, phần tay cầm được S màu đỏ, T cầm gậy bóng chày của L đưa cho rồi lên xe của Y; T chỉ đường cho Y điều khiển xe mô tô đuổi theo xe ô tô Inova của nhóm anh L.

Khi xe Inova của nhóm anh L đi đến xưởng cơ khí “L G” của nhà anh Nguyễn Đình G, sinh N 1981, trú tại thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên thì dừng lại. Anh P, anh Đ, anh L mở cửa xe ô tô bỏ chạy vào trong nhà, anh L lấy tại xưởng 01 gậy kim loại đi ra cổng đánh nhau với nhóm của Đ. Đ, H, L, T dùng gậy, D và S dùng dao lao vào đánh nhau với anh L; N dùng dao mang theo định lao vào đánh anh L thì có người can ngăn nên không vào đánh được. Trong lúc đánh nhau thì anh L bị D dùng dao chém 1 nhát vào đầu, S dùng dao chém 2 nhát vào người

anh L làm anh L bị thương ngã gục ở tại vị trí tường rào gần cửa nhà anh Nguyễn Đình G. Do anh L bị thương, lúc này có nhiều người can ngăn nên nhóm của Đ dừng lại không đánh anh L nữa, lên xe của N và xe Taxi bỏ đi. (BL 358-881).

Anh Tống N L bị thương tích, được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Quân y 110 và Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 Bộ Quốc phòng đến ngày 11/10/2021 ra viện. (BL 379-394).

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường:**

Hiện trường tại đường liên xã Trung S – Hương Mai thuộc địa phận thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G. Mặt đường rộng 5,5m chạy theo hướng Đông Tây, phía Đông đi theo thôn S Q, phía tây đi xã Hương Mai, phía B giáp cánh đồng thôn T S, phía Nam giáp nhà anh Nguyễn Đình G. Hai bên đường là vỉa hè rộng 1,5m, vỉa hè giáp với nhà anh Nguyễn Đình G được lát bê tông.

Trên mặt đường phát hiện xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova BKS 29A-943.18 đỗ đầu hướng Đông, đuôi hướng Tây, trục bánh trước bên phải cách mép tường 0,48m, cách cổng nhà anh Nguyễn Đình G là 2,6m; trục bánh sau bên phải cách mép tường phía Nam là 0,88m, cách tường nhà anh G là 2,8m (vị trí kY hiệu số 1) và phát hiện một số dấu vết màu nâu đỏ nghi máu (ở các vị trí kY hiệu số 2, 3, 4, 5...).

Mở rộng hiện trường về phía Đông B 1,8km là đường liên xã Trung S – thị trấn Bích Động: Thấy đường trải nhựa rộng 5,5m, hai bên đường rộng 1,3m, đường chạy theo hướng Đông – Tây, phía Đông đi thị trấn Bích Động, phía Tây đi thôn S Q – Trung S, phía B và phía Nam là cánh đồng.

Trên mặt đường liên xã Trung S – thị trấn Bích Động tại vị trí cách mép đường phía Nam 0,8m cách cột đèn điện chiếu sáng kY hiệu QS-13A về phía Tây là 1,9m có 3 mảnh nhựa vỡ màu đen, kích thước lần lượt là (4,7x0,3) cm, (5,9x0,2) cm và (03x01) cm (vị trí kY hiệu số 3). Tại vị trí cách mép đường phía Nam 0,8m, cách cột đèn điện chiếu sáng kY hiệu số QS-13A về phía Tây 19,7m có 2 mảnh nhựa vỡ màu đen, kích thước lần lượt là (16,5x04) cm và (2,7x5,8) cm (vị trí kY hiệu số 8). Tại vị trí kY hiệu số 8 về phía B 4,1m, cách mép đường phía Nam là 5,1m có 01 dây đồng hồ bằng kim loại màu trắng, kích thước (23x02) cm (vị trí kY hiệu số 9). (BL 281-301).

*** Khám xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova BKS 29A-943.18:**

Về che mưa ở hàng ghế thứ hai bên trái có vết vỡ kHết nhựa màu đen, kích thước (30x9) cm.

Toàn bộ kính chắn gió phía sau vỡ kHết kích thước (1,48x0,48) m. Còn lại một phần kính được cố định với khung xe, thấy được là loại kính dày 0,5cm, phía ngoài dán bằng một lớp màu đen.

*** Kiểm tra bên trong xe ô tô thấy:**

Toàn bộ bề mặt ghế hàng thứ hai bám dính chất màu nâu đỏ nghi máu dạng quệt.

Vị trí đế chân của hàng ghế thứ hai có 5 mảnh nhựa vỡ màu đen, kích thước lần lượt (07x4,7) cm, (08x3) cm, (6,4x4,5) cm, (5,5x3,2) cm và (3,8x3,4) cm.

Khoang phía sau có nhiều mảnh kính vỡ vụn và 3 đám mảnh kính được cố định bởi 1 lớp giấy bóng màu đen, kích thước lần lượt là (60x35) cm, (40x20) cm và (91x38) cm, các mảnh kính này xác định dày 0,5 cm.

Camera hành trình trong xe có thể nhớ, kiểm tra thẻ nhớ không thấy lưu giữ liệu. (BL 301-321).

* Bệnh án của Bệnh viện quân y 110 xác định: Tổng N L vào viện lúc 22 giờ 58 phút ngày 05/10/2021, ra viện ngày 06/10/2021, thương tích vào viện: Chấn thương sọ não: dập não chảy máu thùy đỉnh trái, vỡ lún xương sọ vùng đỉnh chẩm trái do tai nạn giao thông (theo lời khai của anh L). Vết thương khủy tay phải, vết thương gối phải. (BL 378-381).

* Bệnh án số BH35148 của Bệnh viện TWQĐ 108 xác định: Tổng N L vào viện hồi 02 giờ 48 phút ngày 06/10/2021, ra viện ngày 11/10/2021, thương tích: Vết thương vỡ lún vùng đỉnh trái, vết thương phần mềm phạm khớp vùng khủy tay phải, vết thương phần mềm phạm khớp vùng gối phải do bị chém. (BL 382-394).

Vật chứng thu giữ:

Khám nghiệm hiện trường thu giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova BKS 29A-943.18, thu giữ 5 dấu vết máu tại tiền trường tại vị trí 2, 3, 4, 5, 6 các mảnh nhựa vỡ tại vị trí 7, 8 và thu dây đồng hồ. Khám nghiệm phương tiện xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova BKS 29A-943.18 thu giữ dấu vết máu tại hàng ghế thứ 2.

Ngày 06/10/2021, chị Đào Thị N, sinh N 1985 là vợ của anh Nguyễn Đình G giao nộp: 01 con dao dài 31 cm, chuôi dài 11 cm, lưỡi bằng kim loại chỗ rộng nhất 6 cm và 01 con dao có chiều dài 32 cm, phần chuôi bằng nhựa màu đen dài 10 cm, phần lưỡi bằng kim loại bản rộng 5 cm. Chị N khai 2 con dao trên phát hiện ở hiện trường trước cửa nhà chị N sau khi xảy ra vụ việc.

Ngày 11/10/2021 tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Hữu H thu giữ 01 con dao dũa có chiều dài 48,8 cm, có chuôi gỗ màu đen, phần chuôi dài 13 cm.

Ngày 23/10/2021, Nguyễn Văn N đầu thú giao nộp: 01 gậy bóng chày bằng gỗ màu đỏ đen, trên thân có chữ KBL màu đỏ, chiều dài 80 cm, phần tay cầm được S màu đỏ và 01 con dao loại dao mèo dài 12 cm, được bọc trong 01 vỏ bọc bằng gỗ màu nâu dài 25 cm, phần lưỡi dao rộng nhất là 4,5 cm.

Ngày 28/10/2021, anh Nguyễn Văn B, sinh N 1994, trú tại tổ dân phố Vàng, thị trấn Bích Động là anh trai của N giao nộp 01 con dao có chiều dài 45 cm, chuôi dao bằng gỗ màu nâu dài 15,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại mài sắc dài 29,5 cm, bản rộng nhất 6,5 cm, bản hẹp nhất 3,7 cm, phần lưỡi dao được bọc bằng gỗ dài 31 cm, rộng nhất 9 cm màu nâu.

* Bản kết luận giám định thương tích số 286/21/TgT ngày 07/10/2021 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B G kết luận thương tích của anh Tổng N L: Thương tích vết thương đã khâu vùng đỉnh trái + Vỡ lún xương sọ vùng đỉnh bên trái. Bệnh nhân đã được phẫu thuật lấy bỏ xương lún vùng đỉnh bên trái: 20%. Thương tích vết thương đã khâu vùng khủy tay phải: 2%. Thương tích vết thương đã khâu gối phải: 1%. Tổng tỷ lệ thương tích theo phương pháp cộng của Thông tư

số 22/2019/TT-BYT: **22%**. Các thương tích do vật sắc gây nên, không xác định được chiều hướng gây thương tích. (BL 904-905).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 400/21/TgT ngày 22/12/2021 của Trung tâm pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh B G kết luận: Thương tích vết sẹo vùng đỉnh trái + vỡ lún xương sọ vùng đỉnh bên trái + CT – Scanner sọ não: Hiện không thấy tổn thương hay di chứng tổn thương nội sọ. KHết xương hộp sọ thái dương đỉnh trái đường kính ~ 35mm: 22%. Thương tích vết sẹo vùng khủy tay phải: 2%. Thương tích vết sẹo gối phải: 2%. Tổng tỷ lệ thương tích theo phương pháp cộng của Thông tư số 22/2019/TT-BYT: **25%**. Các thương tích do vật sắc gây nên. Thương tích vết sẹo vùng đỉnh trái L tác động mạnh. Các thương tích: Vết sẹo vùng khủy tay phải; thương tích vết sẹo gối phải L tác động không mạnh. Các con dao gửi giám định gây được thương tích cho anh Tống N L. Con dao số 1 (dao có chiều dài 48,8 cm) gửi giám định gây được thương tích vùng đầu cho anh Tống N L. (BL 908-909).

* Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 445/21/TC-AND ngày 24/11/2021 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: AND thu từ các dấu vết màu nâu đỏ thu tại hiện trường gửi giám định trùng khớp hoàn toàn với AND của Tống N L trên tất cả các Locus STR đã so sánh. Không thu giữ được dữ liệu AND từ con dao gửi giám định trên các Locus STR đã phân tích. (BL 912-918).

* Bản kết luận định giá tài sản số 128/KL-HĐĐGTS UBND Hện Việt Yên kết luận: Kính cửa hậu xe ô tô Inova trị giá tại thời điểm thiệt hại là 4.800.000 đồng và Vẻ my chắn mưa kính phía sau xe trị giá 450.000 đồng. Tổng trị giá tài sản thiệt hại là **5.250.000 đồng**. (BL 920-922).

Cơ quan điều tra cho Nguyễn Đức D thực nghiệm hành vi chém vào đầu anh Tống N L phù hợp với thương tích của anh L và tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Đối với anh Tống N L có hành vi dùng tay, chân đánh Nguyễn Văn Đ; Viện KSND tỉnh B G có văn bản đề nghị Cơ quan Công an xử phạt vi phạm hành chính đối với L.

Xử lý vật chứng: Ngày 30/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Hện Việt ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova, BKS 29A-943.18 cho chủ sở hữu xe là anh Bùi Văn T, sinh N 1980, trú tại thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên. Vật chứng còn lại gồm: 01 con dao bằng kim loại, loại dao rựa màu nâu dài 48,8 cm, chuôi dao màu đen dài 13 cm; 01 con dao có chuôi bọc gỗ màu nâu dài 32 cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc nhọn dài 20 cm, phần chuôi dao dài 12 cm, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 4,5 cm, dao có vỏ bọc ngoài bằng gỗ dài 25 cm; 01 con dao bằng kim loại dài 45 cm, chuôi dao bọc bằng gỗ màu nâu dài 15,5 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 29,5 cm lưỡi dao chỗ rộng nhất rộng 6,5 cm, chỗ hẹp nhất rộng 3,4 cm phần lưỡi dao bọc vỏ gỗ màu nâu, vỏ gỗ dài 31 cm, rộng 09 cm; 01 gậy bóng chày màu đỏ đen, chiều dài 80 cm, trên thân gậy có chữ KBL màu đỏ, phần tay cầm được S màu đen; 01 dây đồng hồ bằng kim loại màu trắng (được đóng trong phong bì niêm phong); 05 mảnh nhựa vỡ màu đen (được đóng trong 05 phong bì niêm phong); 01 con dao nhem có chiều dài 31 cm,

chuôi bằng gỗ dài 11 cm, phần lưỡi bằng kim loại, bản rộng nhất 06 cm; 01 con dao chiều dài 32 cm, phần chuôi nhựa màu đen dài 10 cm, phần lưỡi bằng kim loại có bản rộng nhất 05 cm (được niêm phong trong hộp bìa carton) được cHển đến Cục thi hành án Dân sự tỉnh B G.

Về bồi thường: Bị hại anh Tống N L yêu cầu bồi thường thiệt hại thương tích theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn P yêu cầu bồi thường thiệt hại xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova BKS 29A-943.18 theo kết luận định giá tài sản là 5.250.000 đồng. Đến nay, gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh L như sau: Gia đình Nguyễn Văn Đ bồi thường 10 triệu đồng, gia đình Nguyễn Văn N bồi thường 13 triệu đồng và gia đình Nguyễn Hữu H đã bồi thường 15 triệu đồng, gia đình Nguyễn Đức D bồi thường 10.000.000đồng, gia đình Đào Văn T bồi thường 10.000.000đồng, gia đình Nguyễn Văn S bồi thường 10.000.000đồng, gia đình Đinh Văn L bồi thường 10.000.000đồng.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-P2 ngày 24/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n, khoản 1 Điều 123 và tội “ Cố Y làm hư hỏng tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn S về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Hữu H, Đào Văn T, Đinh Văn L, Nguyễn Văn N về tội “ Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn S, Nguyễn Đức D, Nguyễn Hữu H, Đào Văn T, Đinh Văn L, Nguyễn Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị cáo Đ trình bày: Ngày 05/10/2021, do có mâu thuẫn trong việc va chạm xe, bị cáo đã bị anh L tát, đánh bị cáo và anh Dương. Sau đó, bị cáo gọi điện cho Nguyễn Hữu H nói về việc bị cáo bị đánh. Tiếp đó, bị cáo gọi điện cho Đào Văn T nói về việc bị đánh, hỏi mượn gậy dao kiếm và hẹn đến đón T. Khoảng 22 giờ cùng ngày, H và D đi xe taxi đến quán anh điện thoại anh C đón Đ, tiếp tục đi đến đón T. Xe taxi chở nhóm của bị cáo đi theo quốc lộ 37 để tìm nhóm anh L. Khi đến lối rẽ từ Quốc lộ 37 đi UBND xã Trung S thì phát hiện xe Inova của nhóm anh L đi ngược chiều nên bị cáo chỉ đường cho xe taxi quay lại đuổi theo. Đuổi đến gần cổng trường Đ học Nông Lâm thì xe của nhóm bị cái vượt lên, bị cáo vẫy xe của nhóm anh L dừng lại nhưng nhóm của anh L không dừng lại mà tiếp tục đi về hướng thị trấn Bích Động, Hện Việt Yên về xã Trung S, Hện Việt Yên. Khi đến khu vực cánh đồng thôn Ải Q, xã Trung S, Hện Việt Yên thì nhóm của anh L dừng xe, nhóm của bị cáo cũng dừng xe cách xe của nhóm anh L khoảng 200m. Sau đó, nhóm của bị cáo rủ nhau đến vị trí xe ô tô Innova của anh L đang đỗ gần đó đến đi đánh nhau với nhóm của anh L. Nhóm của bị cáo đứng xung quanh xe ô tô Innova của nhóm của anh L yêu cầu nhóm anh L mở cửa xuống xe nhưng nhóm anh L không mở cửa. Lúc này, bị cáo dùng 01 con dao đập vỡ my chắn cửa

kính phía sau xe Toyota Inova anh L. Thấy vậy, anh P điều khiển xe ô tô bỏ chạy về hướng thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên thì nhóm của bị cáo lên 2 xe ô tô đuổi theo, tại xưởng cơ khí L G anh L cầm một gậy bằng inox lao vào đánh nhau, bị cáo cũng cầm gậy lao vào đánh nhau với anh L. Khi đánh nhau thì bị cáo nghe thấy Y nói “dừng lại, không được đánh nhau nữa”.

Bị cáo Nguyễn Đức D trình bày: Ngày 05/10/2021 bị cáo đang ở cùng Nguyễn Hữu H thì nhận được điện thoại của Đ nên bị cáo và H đi xe taxi đến quán điện thoại của anh C đón Đ, tiếp tục đi đến đón T, bị cáo không mang theo con dao nào như Kết luận điều tra và Cáo trạng mô tả và truy tố. Khi xe Inova của nhóm anh L đi đến xưởng cơ khí “L G” của nhà anh Nguyễn Đình G thì dừng lại. Anh P, anh Đ, anh L mở cửa xe ô tô bỏ chạy vào trong nhà, anh L lấy tại xưởng 01 gậy kim loại đi ra công đánh nhau với nhóm của bị cáo. Khi đánh nhau thì bị cáo dùng dao lao vào đánh nhau với anh L. Con dao là do bị cáo nhặt tại hiện trường. Trong lúc đánh nhau thì bị cáo có dùng dao chém 01 nhát vào đầu anh L là anh L bị thương.

Bị cáo Nguyễn Hữu H trình bày: Ngày 05/10/2021 Đ gọi điện cho bị cáo nói là Đ bị đánh, khi đó có Nguyễn Đức D cùng ở đó nên bị cáo cùng D gọi xe taxi để đi đến chỗ Đ bị đánh, khi đến nơi bị cáo lái xe thay cho người lái xe taxi để đuổi theo xe của nhóm anh L, do người lái xe taxi không biết đường, bị cáo biết lái xe. Do bị cáo gọi xe taxi ở ngang đường nên bị cáo không nhớ đặc điểm và biển số của xe và không rõ người lái xe là ai. Bị cáo không nhìn thấy D mang theo dao lên xe.

Bị cáo Nguyễn Văn S trình bày: Khoảng 22 giờ ngày 05/10/2021 khi bị cáo cùng N, T đang ngồi ở quán bia “Văn Tích” bị cáo được T gọi điện thoại cho N B Đ bị đánh, sau khi nghe điện thoại của T thì N lái xe ô tô của N rủ bị cáo và T đi cùng đến chỗ T hẹn, bị cáo hiểu là đi đánh nhau. Khi đi bị cáo cùng N, T mang theo hai 2 con dao để sẵn ở trong cốp xe ô tô, khi đi đến cánh đồng Ải Q thì gặp xe của nhóm anh L nhưng không xảy ra xô xát gì. Sau đó, gặp nhóm của Đ thì N điều khiển xe đuổi theo xe của nhóm anh L, khi đến xưởng cơ khí “L G” thì hai nhóm lao vào đánh nhau, bị cáo dùng dao lao vào đánh anh L.

Bị cáo Đào Văn T trình bày: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 05/10/2021, bị cáo đang ở chỗ bị cáo trọ tại thôn Xuân Tiền thì Đ gọi cho bị cáo nói “ Em vừa bị đánh ở Nông Lâm, nhà anh có còn đồ nào không?” bị cáo hiểu Y Đ nó đồ ở đây là gậy, gộc, dao, kiếm dùng để đánh nhau, bị cáo nói là không có, Đ B bị cáo là Đ sẽ qua đón bị cáo để đi xem thế nào, bị cáo đồng ý. Khi Đ đón bị cáo bằng xe taxi, bị cáo gọi điện thoại cho N, rồi gọi cho Y ra chỗ bị cáo và Đ để xem ai đánh Đ. Lúc đầu Đ B bị người khác đánh thì bị cáo đi cùng Đ để nói cHện hoặc đánh nhau, nhưng sau đó từ lúc H lái xe đuổi lên chiếc xe Innova nhanh như vậy, với lại nhìn thấy D cầm dao với TuYp từ đầu là bị cáo biết không có cHện nói cHện với người đánh Đ mà là sẽ đánh nhau với người đó, nhưng vì là quen biết, tình cảm anh em nên bị cáo vẫn theo Đ để đi cùng đi đánh nhau cùng Đ với những người đánh Đ. Bị cáo gọi cho Y là muốn Y ra để có số lượng người đông, Y là người T S để xem có nói cHện thì dễ nói cHện hơn, hơn nữa là nếu có đánh nhau thì sẽ áp đảo về số lượng

người, lúc bị cáo gặp Y thì thấy Y chở đằng sau là L ôm theo gậy, tuYp sắt là bị cáo biết Y sẵn sàng cho việc đánh nhau với người đánh Đ. Bị cáo nhận thấy hành vi của bản thân là hành vi giúp sức cho Đ đi đánh nhau, bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Khi đến nơi thì bị cáo thấy Y lao vào can ngăn hai bên và hô “không được đánh nhau nữa”.

Bị cáo Đinh Văn L trình bày: Khi được Y rủ đi đánh nhau thì bị cáo đồng Y, bị cáo vào quán nhà anh Hiệp lấy 01 gậy bóng chày bằng gỗ và 01 gậy kim loại cầm theo đến chỗ hẹn T. Bị cáo không lao vào đánh, chỉ đứng ngoài, khi đến xưởng cơ khí “L G” bị cáo đã bị nhóm anh L đuổi ra ngoài, bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai nên đã tác động gia đình để bồi thường cho anh L số tiền 10.000.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn N trình bày: Ngày 05/10/2021 khi bị cáo đang ở quán bia “Văn Tích” thì được T gọi B Đ bị đánh ra xem thế nào thì bị cáo lái xe ô tô chở T và S đi đến cho hẹn gặp T, bị cáo không rủ T và S mà T và S tự lên xe. Khi đến nơi gặp T thì nhóm của bị cáo cùng T đi đến vị trí xe ô tô Inova của anh L đang đỗ gần đó để đi đánh nhau với nhóm anh L, bị cáo chỉ ngồi trên xe không đánh anh L. Khi bị cáo tới nơi thì thấy có anh Y đang can ngăn hai bên không đánh nhau nữa. Nay bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh L 13.000.000đồng.

Bị hại là anh Tống N L và người B vệ quyền lợi ích hợp pháp cho
va chạm giao thông, anh có đánh Đ 02 cái. Sau đó, anh đã bị bị cáo đuổi đánh và gây thương tích cho anh 25%, anh không đồng ý với kết luận giám định thương tích của anh là 25%, theo anh với thương tích vào đầu như vậy thì tỷ lệ thương tích của anh phải cao hơn. Anh yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh tổng số tiền 375.000.000đồng. Bao gồm: 58.580.000đồng viện phí, điều trị y tế; Bồi thường thiệt hại ngày công do 02 người chăm sóc là 6 ngày x 2 = 12 ngày, vợ anh L thu nhập là 8 triệu đồng/ 1 tháng, chị Thúy chị gái anh L thu nhập 10.000.000đồng/ 1 tháng; tiền bồi thường sức khỏe, tiền phục hồi chức năng là 50 tháng lương tối thiểu; tiền xe đi lại 02 chiều, 12 lần là 17.520.000đồng; Tiền mất thu nhập của anh L trong thời gian điều trị, trong thời gian phục hồi chức năng từ ngày 06/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 80 tháng lương tối thiểu. Tổng số tiền các bị cáo phải liên đới bồi thường là 375.000.000đồng. Anh đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N và bị cáo S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Văn Q có mặt tại phiên tòa và trình bày như sau: Anh là anh em xã hội với bị cáo D. D tác động tới anh nộp vào cơ quan thi hành án số tiền 10.000.000đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh L. Đây là tiền của cá nhân anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ của bị cáo S, bà đã thay mặt S đến gặp anh L bồi thường cho anh L số tiền 10.000.000đồng. Đây là số tiền của cá nhân bà, bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đào Văn T trình bày: ông là bố đẻ của bị cáo T, T đã tác động về gia đình để nộp tiền bồi thường khắc phục hậu

quả cho anh L, ông đã nộp vào Cơ quan thi hành án dân sự số tiền 10.000.000đồng. Đây là tiền của cá nhân ông, ông không yêu cầu bị cáo T phải trả lại cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn Y trình bày: Anh là anh của bị cáo L, anh đã thay mặt L nộp vào Cơ quan thi hành án để bồi thường cho anh L số tiền 10.000.000đồng, đây là số tiền của cá nhân anh, anh không yêu cầu L phải trả lại cho anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Y vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra như sau: Khi T điện thoại cho anh đến đón T đi có việc nhưng anh không biết việc gì. Khi đón T thì Đinh Văn L ngồi lên xe của anh và L có cầm theo gậy nhưng anh không rõ gậy gì và không biết LY do L đi theo xe của Y. Khi đến xưởng cơ khí “L G” thì anh nhìn thấy anh Tống N L đang chạy vào xưởng cơ khí lấy gậy kim loại và thấy T và L lao vào đánh nhau với anh L thì anh hô “không đánh nhau nữa”. LY do anh hô mọi người không đánh nhau nữa vì anh nhận ra anh L là người quen biết cùng thôn S Q, xã Trung S, Hện Việt Yên cùng với anh. Nhưng mọi người vẫn đánh nhau, khi anh L bị thương thì anh có ra nói cHện với người nhà của anh L để đưa anh L đi cấp cứu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đã được Hội đồng xét xử công bố lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo đồng Y và không có Y kiến gì.

Đ diện Viện kiểm sát sau khi phân tích các tình tiết của vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 10 N đến 11 N tù về tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06- 09 tháng tù về tội “ Cố Y làm hư hỏng tài sản” .

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là từ 10 N 6 tháng đến 11 N 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Đức D.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức D từ 10 – 11 N tù về tội “giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

3. Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn S.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S từ 10 -11 N về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

4. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Đào Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Đào Văn T từ 07 N đến 07 N 06 tháng tù về tội “giết người”.

Áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật hình sự cHên 03 N tù nhưng cho bị cáo T hưởng án treo tại bản án số 08/2019/HS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng thành 03 N tù giam. Tổng hợp chung cho cả hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành từ 10 N đến 10 N 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/10/2021, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án số 08/2019/HS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

5. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Hữu H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H từ 06 N đến 07 N tù về tội “giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

6. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn N.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N từ 06 đến 07 N tù về tội “giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/10/2021.

7. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Đinh Văn L.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn L từ 05 N đến 06 N tù về tội “giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/10/2021.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự:

- Đối với tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” buộc bị cáo Đ phải bồi thường cho anh Trần Văn P số tiền 5.250.000đồng.

- Đối với tội “Giết người” buộc các bị cáo Đ, D, H, S, T, L, N phải liên đới bồi thường cho anh L số tiền 91.867.800đồng. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, thương tích của anh L, cụ Y các bị cáo phải bồi thường:

+ Buộc bị cáo Đ bồi thường cho anh L 17.000.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đồng, bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho anh L 7.000.000đồng.

+ Buộc bị cáo D phải bồi thường cho anh L 17.000.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đồng, bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho anh L 7.000.000đồng.

+ Buộc bị cáo S phải bồi thường cho anh L số tiền 13.975.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đồng, bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho anh L số tiền 3.975.000đồng.

+ Buộc bị cáo T phải bồi thường cho anh L số tiền 11.000.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đồng, bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho anh L số tiền 1.000.000đồng.

+ Buộc Nguyễn Hữu H phải bồi thường 12.962.800đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho anh L 15.000.000đồng. Bị cáo đã bồi thường xong.

+ Buộc Nguyễn Văn N phải bồi thường cho anh L 10.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường cho anh L 13.000.000đồng. Bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại.

+ Buộc Đinh Văn L phải bồi thường cho anh L 10.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong 10.000.000đồng cho anh L.

- Anh Tống N L được nhận số tiền 30.000.000đồng gia đình bị cáo D, T, L đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự.

Ngoài ra, còn đề nghị giải quyết về vật chứng, án phí, quyền kháng cáo.

Các bị cáo không có Y kiến tranh luận gì.

- Luật sư Dương Minh Kiên bào chữa cho bị cáo Đ trình bày tranh luận: Nhất trí với tội danh và điều khoản mà Đ diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo Đ về tội “Cố Y làm hư hỏng tài sản”. Tuy nhiên, tội “giết người” về điều luật áp dụng, bị cáo bị truy tố theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự luật sư không đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát. Xuất phát điểm của vụ án này là lỗi của bị hại. Trong quá trình điều tra không trích xuất camera để xem xét việc anh L đánh Đ như thế nào, những hành động lời nói của nhóm bị hại Y hiện việc không phải vô cớ mà nhóm của Đ đánh nhau. Khi đánh nhau ở xưởng cơ khí “L G” thì Đ không tham gia, thậm chí Đ còn bị anh L đánh, những người tham gia đánh Đ không bị truy tố. Chưa có tài liệu, chứng cứ nào trong hồ sơ Y hiện Đ đuổi theo để đánh anh L. Việc Đ cầm gậy chỉ để tự vệ hành vi của L dùng gậy sắt đập vào đầu của Đ. Cần phải làm rõ quá trình di chuyển của phía bị hại. Lời khai của các bị cáo có mâu thuẫn, chưa lấy lời khai làm rõ người lái xe taxi.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội ‘Giết người’ nếu có căn cứ Đ giết người thì theo tinh thần của án lệ số 17/2018 thì Đ không có tính chất côn đồ. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để làm rõ về hành vi giết người của các bị cáo.

- Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Đ trình bày tranh luận: Nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát về tội “Cố Y làm hư hỏng tài sản”; đồng tình với Y kiến của Luật sư Kiên là Đ phạm tội giết người nhưng không phải có tính côn đồ mà do bị hại rất mạnh động, thách đố đối với nhóm của bị cáo, khi Đ bị đánh thì tâm lý thông thường của con người là gọi cho người thân. Do bức xúc, do bị kích động với bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng án lệ số 17, để xét xử bị cáo Đ và các bị cáo theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự.

- Luật sư N Thị Vui bào chữa cho bị cáo D trình bày tranh luận: Nhất trí với tội danh, khung hình phạt điều khoản mà Đ diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối

với bị cáo D. Do H rủ D, nên D đi theo chứ D không mang theo dao đi như cáo trạng và Kết luận điều tra kết luận. Quá trình đánh nhau D có hành vi dùng dao chém vào đầu anh L. Tuy nhiên, căn cứ Điều 13 Bộ luật hình sự về suy đoán vô tội, Điều 15 Bộ luật hình sự, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo chỉ nhận thức được hành vi của mình là gây thương tích. Mục đích D chém chỉ để anh L bị thương, không có mục đích giết anh L, nhận thức của bị cáo đến đâu bị cáo khai đến đó. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tính chất nguyên nhân từ việc bị hại có lỗi trước, mức độ thiệt hại đã không tước đi tính mạng của bị hại để xem xét trường hợp phạm tội chưa đạt. Bị cáo ăn năn hối cải, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố mẹ bị cáo ly hôn, bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, bị cáo xin số điện thoại của một số người thân để bồi thường cho bị hại, bị cáo thực sự ân hận về hành vi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo D mức án khoảng 08 N tù.

- Luật sư Trần Văn H bào chữa cho bị cáo S trình bày tranh luận: Nhất trí với tội danh, mà Đ diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo S. Tuy nhiên, luật sư không đồng ý với tình tiết áp dụng đối với bị cáo S là có tính côn đồ. Bị cáo không phải là người cầm đầu, chỉ H, không xúi giục người khác phạm tội; Bị cáo S và N không có sự bàn bạc với các bị cáo khác đi đánh nhau. Bị cáo chỉ là người đi cùng N, T, bị cáo không chuẩn bị hung khí. Bị cáo chỉ tham gia vào đánh anh L khi anh L đánh nhau với nhóm của Đ. Bị cáo không phải là người chém vào vùng trọng yếu của anh L. S có vai trò sau bị cáo Đ và D. Tại án lệ số 17/2018 quy định đánh giá tính côn đồ, tại Sở tay thẩm phán có hướng dẫn về phạm tội có tính chất côn đồ. Trường hợp này không phải là phạm tội hoàn toàn do lỗi của nhóm Đ mà có lỗi của bị hại. Bị cáo S là một trong hai bị cáo anh L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, xem xét tính chất vai trò của bị cáo, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vết thương bị cáo gây ra cho anh L. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là từ 6-8 N tù.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo S trình bày: Nhất trí với quan điểm của luật sư H đã phân tích. Đề nghị không áp dụng đối với S về tình tiết có tính côn đồ, đề nghị xử phạt bị cáo từ 06- 08 N tù.

- Luật sư Nguyễn Thị Thu bào chữa cho bị cáo H trình bày tranh luận: Nhất trí với tội danh mà Đ diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo H. Tuy nhiên, về điều luật áp dụng luật sư không nhất trí về việc truy tố H có hành vi côn đồ. Căn cứ vào án lệ số 17 để xác định bị cáo H phạm tội không có tính chất côn đồ, cHenr khung hình phạt đối với bị cáo sang khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự. Bị cáo H đã ăn năn hối cải, ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình, ông nội bị cáo được tặng huân chương kháng chiến, bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. H không tham gia đánh bị hại và chỉ có vai trò giúp sức, có vai trò không đáng kể trong vụ án. Đề nghị hội đồng xét xử cHenr khung hình

phạt xuống khoản 2 Điều 123 và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo H 05 N tù.

- Luật sư Nguyễn Văn L bào chữa cho bị cáo T trình bày tranh luận: Bị cáo T không hề quen biết, mâu thuẫn hay thù hằn gì đối với anh L nên T không Y truy tố về hành vi côn đồ. Căn cứ cứ về lỗi của phía bị hại chưa được làm rõ nên đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Luật sư Nguyễn Đức Tình bào chữa cho bị cáo N trình bày tranh luận: Nhất trí với tội danh, điều khoản mà Đ diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo N. Về hình phạt: Bị cáo đã đến cơ quan điều tra đầu thú, thành khẩn khai báo, bị cáo đã ăn năn hối cải, bị cáo đã tích cực tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại số tiền 13 triệu đồng. Bị cáo phạm tội do hành động bột phát, suy nghĩ chưa thấu đáo, bị cáo có vai trò giúp sức, thứ yếu, không trực tiếp xâm phạm sức khỏe của bị hại, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên cần áp dụng Điều 15, Điều 17 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 nên Đề nghị Hội đồng áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo N dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là từ 5 N – 06 N tù. Về bồi thường dân sự, nhất trí như đề nghị của Đ diện viện kiểm sát.

Luật sư Nguyễn Thị Lan bào chữa cho bị cáo L trình bày tranh luận: Nhất trí với tội danh mà Đ diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo L. Nhưng không nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về việc bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng án lệ số 17 để xem xét, trong vụ án này vai trò của L là yếu nhất, không có sự tham gia bàn bạc đối với các bị cáo khác, không chứng minh được Y thức chủ quan của các bị cáo là có sự chuẩn bị từ trước, nên không Y xác định là bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ. Tỷ lệ tổn thương trên cơ Y anh L là 25%, L chỉ cầm gậy mang đến hiện trường, không trực tiếp tham gia đánh anh L. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, án lệ số 17 xử phạt bị cáo L từ 3-4 N tù.

- Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh L trình bày tranh luận: Không đồng ý với đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật và hình phạt đối với các bị cáo. Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, bỏ sót chứng cứ. Hành vi của nhóm thanh niên do Đ gọi đến có hoạt động kiểu như xã hội đen, có nhiều đối tượng ở nhiều địa phương khác nhau, nên cần truy tố các bị cáo theo điểm o khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có tổ chức. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa làm rõ chiếc xe taxi chở nhóm đối tượng, không truy tìm chiếc xe taxi là có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, không trích xuất dữ liệu điện tử tại xưởng cơ khí “L G” làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến chứng cứ vụ án. Trong tất cả các tài liệu trong vụ án không đề cập đến việc xử lý chiếc xe ô tô BKS 98A. 313.90 của N, đây là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội. Đối với chiếc xe Exciter, Y mượn của một người trên Lạng S là phương tiện dùng để phạm tội, nhưng chưa được làm rõ, xử lý. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét việc tiếp nhận Y chí của người tên Nguyễn Văn Y, L bị truy tố nhưng Y lại không bị truy tố, nên Cơ quan

cảnh sát điều tra đã bỏ lọt đối với Y. Số người do Đ gọi đến không phải là có 6 người mà là 08 người, nên đã bỏ lọt Y và T.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đồng ý với đề nghị của Đ diện Viện kiểm sát, theo quy định tại Nghị quyết 02/2022 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Điều 584 Bộ luật dân sự thì thiệt hại của anh L bao gồm thiệt hại về vật chất và thiệt hại về tinh thần. Viện kiểm sát đề nghị bồi thường 91.800.000đồng là không hợp lý. Thực tế, anh L phải đi lại 14 lần, anh L phải mổ hộp sọ, ảnh hưởng đến khả năng vận động ở tay và chân. Đề nghị mất nhập của người chăm sóc là 2 triệu là quá thấp, không có căn cứ, bồi thường tổn thất về tinh thần 20 tháng lương tối thiểu là quá thấp không phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02.

Đối với kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung số 400, Cơ quan cảnh sát điều tra có văn bản trả lời là không giám định bổ sung là vi phạm pháp luật, không đúng với tỷ lệ thương tật được quy định tại mục 2.5 thông tư liên tịch số 02/2019 về giám định xương sọ nên dẫn đến đưa ra thương tích của anh L không đúng. Cơ quan điều tra đã bỏ ra nhiều vật chứng là chiếc điện thoại của Đ, H, T.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c, d khoản 1 Điều 280 Bộ luật hình sự trả hồ sơ để điều tra bổ sung, khởi tố đối với Y, T và truy tìm chiếc xe taxi, xử lý đối với chiếc xe của N và chiếc xe Exciter.

Kiểm sát viên: Giữ nguyên quan điểm đề nghị và đối đáp:

- Việc truy tố bị cáo các bị cáo phạm tội giết người có tính chất côn đồ là có căn cứ. Mặc dù bị cáo Đ không có va chạm xe, anh L có hành vi đánh bị cáo Đ, tuy nhiên việc anh L đánh đã kết thúc anh L đã lên xe đi về, nhưng Đ đã gọi điện cho các bị cáo khác, trong đó có bị cáo không quen biết gì Đ, các bị cáo còn mang theo cả hung khí, các hành vi có hành vi chèn ép lạng lách, dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại, tính côn đồ còn Y hiện ở mối quan hệ các bị cáo, Y hiện mục đích tiếp nhận Y chí của các bị cáo, đem hung khí đi để đánh nhau chứ không phải là để phòng thân, nên việc truy tố các bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ với tư cách đồng phạm là có căn cứ.

- Về nội dung cho rằng các bị cáo phạm tội có tổ chức, việc các bị cáo gọi cho nhau nhưng không có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm cụ Y nên không có căn cứ truy tố các bị cáo phạm tội có tổ chức theo điểm o khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

- Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân vai trò của các bị cáo trong vụ án, nên mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đề nghị.

- Về đề nghị của luật sư Kiên cho rằng Đ không có hành vi gây thương tích cho bị hại nên ai làm đến đâu chịu trách nhiệm đến đó. Tại các bản tự khai các bị cáo đều thừa nhận có việc các bị cáo đuổi xe ô tô của anh L để đánh nhau, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

- Đối với chiếc xe Exciter: quá trình điều tra cơ quan điều tra đã ghi lời khai của Y, Y khai mượn của người tên Q ở Lạng S không biết rõ tên tuổi địa chỉ, nên không có căn cứ để truy tìm chiếc xe.

- Đối với chiếc xe taxi thì các bị cáo đều khai không biết tên tuổi của người lái xe taxi, không nhớ đặc điểm của chiếc xe taxi, khi đến gặp xe của anh L bị cáo H khai bị cáo đuổi người lái taxi xuống và bị cáo H đã là người lái xe từ khi đuổi người lái taxi xuống, nên không có căn cứ truy tìm chiếc xe taxi này.

- Đối với chiếc xe của N, khi N nghe điện N không biết là đi đánh nhau, ban đầu bị cáo N không sử dụng mục đích để đi đánh nhau mà trên đường đi mới phát sinh. Chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng N, mua trả góp hiện đang thế chấp ngân hàng nên cơ quan điều tra không xử lý và không coi chiếc xe là công cụ phương tiện phạm tội là có căn cứ.

- Đối với việc xem xét trách nhiệm của Nguyễn Văn Y và Đỗ Văn T, tại các tài liệu trong hồ sơ và tại phiên tòa ngày 10/02 các bị cáo khai, đều Y hiện việc Y và T là người đến sau cùng, không tham gia vào việc đuổi đánh anh L, Y và T còn tham gia can ngăn các bên không đánh nhau, nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự của Y và T trong vụ án.

- Đối với những chiếc điện thoại của Đ, T, N các bị cáo đều khai làm mất, không có căn cứ để thu thập.

- Về trách nhiệm dân sự: căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, luật sư của anh L không cung cấp được các đơn thuốc mua ngoài và điều trị phục hồi chức năng. Viện kiểm sát xác định các hóa đơn điều trị, đơn thuốc là chi phí hợp lý, đối với mức thu nhập dựa trên mức thu nhập của anh L trên cơ sở xác minh tại địa phương nơi anh L sinh sống, tiền xe đi lại từ Việt Yên đến Hà Nội chỉ xác định số tiền khoảng 4 triệu đồng là hợp lý. Về người chăm sóc, thì theo quy định của pháp luật chỉ chấp nhận 01 người chăm sóc.

- Về tỷ lệ thương tích của anh L: Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị cơ quan giám định giải thích, tỷ lệ thương tích theo phương pháp cộng lùi của thông tư 22, tỷ lệ thương tích tại kết luận số 400 đã xác định cộng theo quy định của thông tư 22/2019 chứ không phải là phương pháp cộng dồn như trình bày của luật sư, nên đề nghị của luật sư xem xét lại tỷ lệ thương tích của anh L là không có căn cứ.

Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm, không có căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung theo đề nghị của luật sư B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

- Bị cáo Đ: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo gửi lời xin lỗi bị hại.

- Bị cáo D: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo H: Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo S: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo xin lỗi bị hại.

- Bị cáo T: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo L: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.
- Bị cáo N: Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho các bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho các bị cáo, bị hại thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Bùi Văn T, anh Đỗ Văn T, anh Nguyễn Văn Y; Người làm chứng là anh Trần Văn P, anh Hà Văn Đ, anh Nguyễn Đình G, chị Đỗ Thị N, anh Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Cao C, anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, xét thấy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục xét xử vụ án.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Đinh Văn Y, ông Đào Văn T, bà Nguyễn Thị N, ông Đỗ Văn Q là những người đã nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại cho bị cáo L, bị cáo T, bị cáo S và bị cáo D, có mặt tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Hội đồng xét xử chấp nhận và đưa những người này vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/10/2021, Nguyễn Văn Đ bị anh Tống N L đánh nên Đ rủ Nguyễn Hữu H và Đào Văn T để đánh anh L trả thù. Nguyễn Hữu H rủ thêm Nguyễn Đức D; Đào Văn T rủ thêm Đinh Văn L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn S.

Khoảng 22 giờ cùng ngày tại thôn T S, xã Trung S, Hện Việt Yên, tỉnh B G, nhóm của Đ có 7 người nêu trên dùng gậy, dao là hung khí nguy hiểm đánh chém vào đầu, tay, chân của anh Tống N L. Hậu quả anh Tống N L bị thương với tỷ lệ thương tật là 25%. Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp côn đồ.

Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội đặc biệt nghiêm trọng trong thời gian chưa được xóa án tích.

Ngoài ra, Nguyễn Văn Đ còn có hành vi dùng gậy đập vỡ cửa kính xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova BKS 29A-943.18 là xe anh Tống N L mượn của anh Bùi Văn T, anh Trần Văn P là người lái gây thiệt hại 5.250.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức D, Nguyễn Hữu H, Đào Văn T, Đinh Văn L và Nguyễn Văn N đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Về đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo Đ cho rằng các bị cáo chỉ bị truy tố, xét xử theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo Đ sau khi bị anh L đánh, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt đã gọi các bị cáo khác đi tìm vào đuổi đánh anh L, nhóm của nhóm bị cáo Đ có 07 người dùng hung khí nguy hiểm là dao gậy đánh vào đầu, vào người anh L là những vùng trọng yếu cơ Y, về tương quan L lượng anh L chỉ có một mình, nhóm bị cáo số lượng đông, nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về hành vi côn đồ theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là có căn cứ, không có căn cứ để xét xử các bị cáo theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự theo đề nghị của luật sư của các bị cáo.

[5]. Xét đề nghị của người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị giám định lại tỷ lệ thương tật của bị hại, vì kết quả thương tích của anh L 25% không phù hợp với thương tích trên đầu của anh L. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 07/10/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra công an Hện Việt Yên đã có quyết định trưng cầu giám định về cơ chế hình thành và tỷ lệ phần trăm thương tích của anh L. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích ngày 07/10/2021 của Trung tâm pháp y của Bệnh viện đa khoa tỉnh B G đã kết luận: Căn cứ bảng tỷ lệ tổn thương cơ Y ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế, tỷ lệ tổn thương cơ Y do thương tích gây nên hiện tại là 22%; vật, cơ chế, chiều hướng gây thương tích: Các thương tích do vật sắc gây nên, không xác định được chiều hướng gây thương tích, sau khi có kết luận cơ quan điều tra đã thông báo kết luận giám định cho anh L. Đến ngày 16/12/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Hện Việt Yên có Quyết định trưng cầu giám định bổ sung, giám định bổ sung: Tỷ lệ phần trăm thương tích; L tác động tại nên thương tích; Vật gây thương tích. Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung ngày 22/12/2021 đã xác

định: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ Y ban hành kèm theo thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế, tỷ lệ tổn thương cơ Y do thương tích gây nên hiện tại là 25%; Cơ chế, L tác động gây thương tích: Các thương tích do vật sắc gây nên. Thương tích vết sẹo vùng đỉnh trái L tác động mạnh. Các thương tích về sẹo vùng khuỷu tay phải; thương tích vết sẹo gối phải L tác động không mạnh. Các con dao gửi giám định gây được các thương tích cho anh Tổng N L. Con dao số 1 gửi giám định gây được thương tích vùng đầu cho anh Tổng N L. Ngày 19/5/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra đã có Thông báo về việc không chấp nhận đề nghị trưng cầu giám định bổ sung đối với anh L.

Tại Công Văn số 400B/BVĐK-TTPY ngày 06/6/2022 của Trung tâm pháp y đã giải thích cơ chế hình thành thương tích, xác định kết luận giám định pháp y về thương tích bổ sung số 400/21/TgT ngày 22/12/2021 của Trung tâm Pháp y bệnh viện đa khoa tỉnh B G đối với anh Tổng N L là chính xác. Không có căn cứ để xác định kết luận giám định không đúng quy định của pháp luật để giám định lại theo đề nghị của luật sư B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh L tại phiên tòa.

[4]. Xét tính chất của vụ án thì thấy: Trong vụ án có 07 bị cáo cùng thực hiện hành vi dùng hung khí nguy hiểm đánh chém vào đầu vào người của anh L gây thương tích cho anh L, nhưng không có sự bàn bạc thống nhất từ trước nên đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn.

Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã sử dụng gậy, dao là hung khí nguy hiểm đánh, chém vào đầu, tay chân của anh L là bị hại, hậu quả làm anh L bị thương với tỷ lệ thương tật là 25%. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác, là quyền thiêng liêng của con người được pháp luật B vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, phải có hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[5]. Về Y thức chủ quan: Các bị cáo với số lượng đông người, đuổi đánh anh L một đoạn đường rất dài, dùng dao, gậy và các hung khí nguy hiểm chém vào đầu và đánh vào người anh L, việc anh L không chết là nằm ngoài Y muốn của các bị cáo. Do vậy, các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội giết người chưa đạt, nên cần áp dụng Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo.

[6]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án:

- Đối với tội “Giết người”:

+ Bị cáo Nguyễn Văn Đ điện thoại rủ bị cáo H, T đi đánh nhóm anh L; trực tiếp cùng các bị cáo đuổi theo anh L; trực tiếp dùng dao đập vỡ kính chắn gió xe ô tô; trực tiếp cầm dao cùng các bị cáo lao vào đánh anh L. Do đó bị cáo Đ có vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác.

+ Bị cáo Nguyễn Đức D khi biết bị cáo Đ điện thoại rủ bị cáo H đi đánh nhau, bị cáo D đã chủ động đi cùng, cùng các bị cáo khác đuổi đánh, cầm dao lao vào chém vào đầu anh L gây thương tích 22%. Do đó bị cáo D có vai trò thứ hai.

+ Bị cáo Nguyễn Văn S khi được bị cáo N rủ đi đánh nhau đã đồng Y, cùng các bị cáo khác đuổi theo, dùng dao chém 2 nhát vào người anh L gây thương tích 04%. Do đó bị cáo S có vai trò thứ ba.

+ Bị cáo Đào Văn T khi được bị cáo Đ rủ đi đánh nhau đã đồng Y và đem theo 01 đèn pin và điện thoại rủ bị cáo N; cùng các bị cáo khác đuổi theo, cầm gậy bóng chày cùng các bị cáo khác lao vào đánh anh L. Do đó bị cáo T có vai trò thứ tư.

+ Bị cáo Nguyễn Hữu H khi được bị cáo Đ điện thoại rủ đi đánh nhau đã đồng Y; cùng các bị cáo khác đuổi theo, cầm gậy cùng các bị cáo khác lao vào đánh anh L. Do đó bị cáo H có vai trò thứ N.

+ Bị cáo Nguyễn Văn N khi được rủ đi đánh nhau đã đồng Y và đem theo 02 con dao nhọn, rủ bị cáo S, trực tiếp điều khiển xe ô tô chở các bị cáo đuổi theo; cầm dao cùng các bị cáo khác lao vào đánh anh L nhưng được người dân can ngăn, giữ lại. Do đó bị cáo N có vai trò thứ sáu.

+ Bị cáo Đinh Văn L biết có đánh nhau nên chủ động cùng đi; mang theo 01 gậy bóng chày và 01 gậy kim loại; cùng các bị cáo khác đuổi theo, cầm gậy kim loại cùng các bị cáo khác lao vào đánh anh L. Do đó bị cáo L có vai trò thứ bảy.

- Đối với tội “Cố Y làm hư hỏng tài sản”: Bị cáo Đ một mình thực hiện hành vi phạm tội nên chịu trách nhiệm độc lập.

[7]. Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo thấy:

* Về nhân thân:

+ Bị cáo Đ có nhân thân xấu: Tại bản án số 43/2014/HSST ngày 10/6/2014 của Tòa án nhân dân Huyện Yên Mỹ xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

+ Bị cáo H: Ngày 20/3/2020 Nguyễn Hữu H bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Cố Y gây thương tích”, bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

+ Bị cáo S: N 2016 bị Tòa án nhân dân Huyện Hiệp Hòa xử phạt bị cáo 07 N 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản” đến nay chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục phạm tội.

+ Bị cáo T: N 2019 bị Tòa án nhân dân Huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 03 N tù về tội “Cố Y gây thương tích” nhưng cho hưởng án treo, chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục phạm tội.

+ Các bị cáo D, L, N có nhân thân tốt: chưa có tiền án, tiền sự.

* Về tình tiết tăng nặng:

- Đối với tội “Giết người”:

+ Bị cáo Đào Văn T có tiền án về tội “Cố Y gây thương tích” nay tiếp tục phạm tội do cố Y. Do đó bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

+ Bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng mà lại tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố Y, bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

+ Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức D, Nguyễn Hữu H, Đinh Văn L, Nguyễn Văn N không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Đối với tội “Cố Y làm hư hỏng tài sản”: Bị cáo Nguyễn Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng.

* *Về tình tiết giảm nhẹ:*

- Đối với tội “Giết người”:

+ Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đinh Văn L, Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn S đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Bị cáo Nguyễn Văn N đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú, bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Bị cáo Nguyễn Hữu H đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú, có ông nội là ông Nguyễn Hữu Trị được tặng thưởng Huân chương kháng chiến và huân chương chiến sỹ giải phóng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Bị cáo Đào Văn T đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội là ông Đào Văn Xuân là thương binh, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Đối với tội “Cố Y làm hư hỏng tài sản”: Bị cáo Nguyễn Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ra đầu thú về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[8]. Về hình phạt chính: Xét các bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe là quyền thiêng liêng nhất của người khác được pháp luật B vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, mới đủ giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực bồi thường cho bị hại, phạm tội do một phần lỗi của bị hại và thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Nên

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Bị cáo Đ ngoài hành vi giết người bị cáo còn bị xét xử về hành vi cố Y làm hư hỏng tài sản, bị xét xử về hai tội trong một vụ án nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội.

[9]. Do các bị cáo đang bị tạm giam nên cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm B thi hành án.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

Do các bị cáo gây thương tích cho anh L, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 375.000.000đồng. Bao gồm: 58.580.000đồng viện phí, điều trị y tế; Bồi thường thiệt hại ngày công do 02 người chăm sóc là 6 ngày x 2 = 12 ngày, vợ anh L thu nhập là 8 triệu đồng/1 tháng, chị Thúy chị gái anh L thu nhập 10.000.000đồng/ 1 tháng; tiền bồi thường sức khỏe, tiền phục hồi chức năng là 50 tháng lương tối thiểu; tiền xe đi lại 02 chiều, 12 lần là 17.520.000đồng; Tiền mất thu nhập của anh L trong thời gian điều trị, trong thời gian phục hồi chức năng từ ngày 06/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 80 tháng lương tối thiểu, Hội đồng xét xử xét thấy:

* Về tội giết người, chi phí hợp lý cần buộc các bị cáo phải bồi thường là:

- Chi phí cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện 108 từ ngày 06/10/2021 đến ngày 11/10/2021: 18.862.700đ.

- Thuê xe đi và về trong quá trình cấp cứu, điều trị và phẫu thuật lại và khám lại cần chấp nhận khoản tiền: 5.000.000đ.

- Chi phí phẫu thuật lại tại Bệnh viện Việt Đức từ ngày 03/01/2022 đến ngày 07/01/2022:

+ Chi phí phẫu thuật: 26.257.700đ.

+ Mua thuốc sau mổ theo hóa đơn: 2.947.400đ.

- Mất thu nhập trong thời gian nằm viện 108 là 06 ngày; Bệnh viện Việt Đức là 05 ngày = 11 ngày x 133.000đồng/ ngày (theo xác minh tại địa phương nơi anh L sinh sống) = 1.466.000đồng.

- Ngày nghỉ phục hồi sức khỏe. Tổng số 02 tháng = 8.000.000đ.

- Mất thu nhập người chăm sóc trong thời gian nằm viện = 2.000.000đ.

- Tổn thất tinh thần cần chấp nhận cho bị hại 30 tháng lương cơ sở, tương ứng số tiền 44.700.000đ.

Tổng cộng 109.233.800đồng.

Do đó, buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn S, Đào Văn T, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L, phải liên đới bồi thường cho bị hại là anh Tổng N L tổng số tiền là 109.233.800đồng. Cụ Y:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường 21.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 11.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Đức D bồi thường 20.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 10.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường 17.233.800đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 7.233.800đ.

- Bị cáo Đào Văn T bồi thường 15.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 5.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Hữu H bồi thường 13.000.000đ. Xác nhận bị cáo tự nguyện và đã bồi thường 15.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường 13.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong 13.000.000đ.

- Bị cáo Đinh Văn L bồi thường 10.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong.

* Đối với tội “Cố Y làm hư hỏng tài sản”: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường cho anh Trần Văn P số tiền 5.250.000đồng.

[11]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 con dao bằng kim loại, loại dao rựa màu nâu dài 48,8cm, chuôi dao màu đen dài 13cm;

- 01 con dao có chuôi bọc gỗ màu nâu dài 32 cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc nhọn dài 20 cm, phần chuôi dao dài 12cm, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 4,5cm, dao có vỏ bọc ngoài bằng gỗ dài 25cm;

- 01 con dao bằng kim loại dài 45cm, chuôi dao bọc bằng gỗ màu nâu dài 15,5 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 29,5 cm lưỡi dao chỗ rộng nhất rộng 6,5cm, chỗ hẹp nhất rộng 3,4 cm phần lưỡi dao bọc vỏ gỗ màu nâu, vỏ gỗ dài 31 cm, rộng 09 cm;

- 01 gậy bóng chày màu đỏ đen, chiều dài 80 cm, trên thân gậy có chữ LBL màu đỏ, phần tay cầm được S màu đen;

- 01 dây đồng hồ bằng kim loại màu trắng (được đóng trong phong bì niêm phong);

- 05 mảnh nhựa vỡ màu đen (được đóng trong 05 phong bì niêm phong);

- 01 con dao nhọn có chiều dài 31 cm, chuôi bằng gỗ dài 11 cm, phần lưỡi bằng kim loại, bản rộng nhất 06 cm; 01 con dao chiều dài 32 cm, phần chuôi nhựa màu đen dài 10 cm, phần lưỡi bằng kim loại có bản rộng nhất 05 cm (được niêm phong trong hộp bìa carton).

Là các vật dụng các bị cáo dùng vào việc phạm tội và các vật dụng không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[12]. Các vấn đề khác:

Đối với anh Tống N L có hành vi dùng tay, chân đánh Nguyễn Văn Đ; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G có văn bản đề nghị Cơ quan Công an xử phạt vi phạm hành chính đối với L là có căn cứ và phù hợp.

Đối với đề nghị của luật sư của anh L xác định có dấu hiệu bỏ lọt đối với một số đối tượng trong đó có Nguyễn Văn Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyễn Văn Y được bị cáo Đào Văn T điện thoại cho anh Y thì anh Y có biết là đi đánh nhau nhưng khi anh Y đi cùng nhóm bị cáo thì không có sự bàn bạc gì với nhau và không chuẩn bị hung khí. Khi đến nơi xảy ra sự việc thì anh Y có nhận ra anh Tống N L (là bị hại trong vụ án) nên anh Y không tham gia đánh nhau. Anh đã có Y thức can ngăn bằng việc hô mọi người “thôi, không đánh nhau nữa”, việc anh Y

có lời nói và hành động can ngăn không cho đánh nhau nữa khi anh L chưa bị thương tích, nên Cơ quan điều tra xác định hành vi của anh Y là “tự Y nửa chừng chấm dứt việc phạm tội” quá trình tiến hành tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung về nội dung này, cơ quan điều tra đã điều tra bổ sung và xác định không có căn cứ xử lý đối với anh Y là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn T: anh T không biết rõ nội dung sự việc, không có sự bàn bèn nhau từ trước, không mang theo hung khí, không xuống xe ô tô tham gia đánh nhau và có Y thức can ngăn các đối tượng tham gia đánh nhau trước khi anh L bị thương tích. Cơ quan điều tra xác định không có căn cứ xử lý đối với T là phù hợp.

[13]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVH ngày 16/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu H, Đào Văn T, Đinh Văn L và Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Bị Đ, D, S thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H, L, N đã bồi thường xong phần trách nhiệm dân sự nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Đào Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[14]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

I. Về trách nhiệm hình sự:

1. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 11 (Mười một) N tù về tội “Giết người”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 11 (Mười một) N 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

2. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 18; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Đức D.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức D 10 (Mười) N tù về tội “giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

3. Căn cứ điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn S.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S từ 10 (Mười) N tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

4. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đào Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Đào Văn T 07 (Bảy) N tù về tội “giết người”.

Áp dụng khoản 5 Điều 65; Điều 56 Bộ luật hình sự cHển hình phạt 03 N tù nhưng cho bị cáo T hưởng án treo tại bản án số 08/2019/HS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng thành 03 N tù giam. Tổng hợp chung cho cả hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành 10 (Mười) N tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/10/2021, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án số 08/2019/HS-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng (từ ngày 25/8/2018 đến ngày 03/9/2018).

5. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Hữu H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu H 06 (Sáu) N tù về tội “giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 07/10/2021.

6. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn N.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 06 (Sáu) N tù về tội “giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/10/2021.

7. Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; Điều 57; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với Đinh Văn L.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn L 05 N 06 (Sáu) tháng tù về tội “giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18/10/2021.

II. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587 và Điều 590 Bộ luật dân sự.

1. Buộc bị cáo Đ phải bồi thường cho anh Trần Văn P số tiền 5.250.000đồng.

2. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Đức D, Nguyễn Văn S, Đào Văn T, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L, phải liên đới bồi thường cho bị hại là anh Tống N L tổng số tiền là 109.233.800đồng. Cụ Y:

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường 21.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 11.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Đức D bồi thường 20.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 10.000.000đ.

- Bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường 17.233.800đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 7.233.800đồng.

- Bị cáo Đào Văn T bồi thường 15.000.000đ. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 10.000.000đ, còn phải tiếp tục bồi thường 5.000.000đồng.

- Bị cáo Nguyễn Hữu H bồi thường 13.000.000đ. Xác nhận bị cáo tự nguyện và đã bồi thường 15.000.000đ.
- Bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường 13.000.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong 13.000.000đồng.
- Bị cáo Đinh Văn L bồi thường 10.000.000đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong.

3. Anh L được nhận:

- Số tiền 10.000.000đồng gia đình bị cáo L nộp tại Biên lai số 0000465 ngày 18/01/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B G.
- Số tiền 10.000.000đồng gia đình bị cáo D đã nộp tại Biên lai số 0000476 ngày 10/02/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B G.
- Số tiền 10.000.000đồng gia đình bị cáo T đã nộp tại Biên lai số 0000455 ngày 06/01/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B G.

III. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu L pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS.

IV. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao bằng kim loại, loại dao rựa màu nâu dài 48,8cm, chuôi dao màu đen dài 13cm;
- 01 con dao có chuôi bọc gỗ màu nâu dài 32 cm, lưỡi dao bằng kim loại sắc nhọn dài 20 cm, phần chuôi dao dài 12cm, phần rộng nhất của lưỡi dao rộng 4,5cm, dao có vỏ bọc ngoài bằng gỗ dài 25cm;
- 01 con dao bằng kim loại dài 45cm, chuôi dao bọc bằng gỗ màu nâu dài 15,5 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 29,5 cm lưỡi dao chỗ rộng nhất rộng 6,5cm, chỗ hẹp nhất rộng 3,4 cm phần lưỡi dao bọc vỏ gỗ màu nâu, vỏ gỗ dài 31 cm, rộng 09 cm;
- 01 gậy bóng chày màu đỏ đen, chiều dài 80 cm, trên thân gậy có chữ LBL màu đỏ, phần tay cầm được S màu đen;
- 01 dây đồng hồ bằng kim loại màu trắng (được đóng trong phong bì niêm phong);
- 05 mảnh nhựa vỡ màu đen (được đóng trong 05 phong bì niêm phong);
- 01 con dao nhọn có chiều dài 31 cm, chuôi bằng gỗ dài 11 cm, phần lưỡi bằng kim loại, bản rộng nhất 06 cm; 01 con dao chiều dài 32 cm, phần chuôi nhựa màu đen dài 10 cm, phần lưỡi bằng kim loại có bản rộng nhất 05 cm (được niêm phong trong hộp bìa carton).

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh B G theo Quyết định chuyển vật chứng số 28/QĐ- VKS-P2 ngày 18/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B G B G).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc các bị cáo H, T, L, N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Đ, D, S.

6. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TAND Tối cao;

- TAND cấp cao tại Hà Nội;

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;

- Sở tư pháp;

- VKSND tỉnh B G;

- Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh B G;

- Cục thi hành án dân sự tỉnh B G;

- Trại tạm giam công an tỉnh B G;

- Bị cáo;

- Người tham gia tố tụng;

- Lưu HS, THS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

THẨM PHÁN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

